

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 34234

Giờ: Ngày 16 tháng 10 năm 12



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Kính gửi : Phòng quản lý Niêm Yết

Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Hà Nội T10- 2012

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đồng Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	1/1/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		232,068,238,855	269,929,688,554
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		96,331,871,018	18,853,651,162
1. Tiền	111	V.01	12,331,871,018	18,853,651,162
2. Các khoản tương đương tiền	112		84,000,000,000	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5,068,000,000	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5,068,000,000	0
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48,758,982,646	104,209,408,781
1. Phải thu của khách hàng	131		42,324,349,685	95,038,849,184
2. Trả trước cho người bán	132		5,016,670,360	7,895,688,750
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1,629,877,475	1,539,382,247
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(211,914,874)	(264,511,400)
IV. Hàng tồn kho	140		80,688,057,797	144,802,527,441
1. Hàng tồn kho	141	V.04	81,192,489,595	145,301,814,441
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(504,431,798)	(499,287,000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,221,327,394	2,064,101,170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		92,053,803	1,612,276,603
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77,195,591	91,572,132
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	0	4,619,035
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,052,078,000	355,633,400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102,731,181,822	87,698,617,363
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		68,165,023,297	53,566,316,963
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	57,827,058,150	45,749,341,516
- Nguyên giá	222		83,137,164,199	65,238,224,780
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,310,106,049)	(19,488,883,264)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09	0	0
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	5,213,262,556	3,791,412,556
- Nguyên giá	228		7,066,787,000	5,066,787,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,853,524,444)	(1,275,374,444)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	5,124,702,591	4,025,562,891
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34,332,299,900	34,132,300,400
1. Đầu tư vào công ty con	251		30,608,000,000	30,608,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,817,638,000	1,817,638,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3,944,000,000	3,944,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(2,037,338,100)	(2,237,337,600)
V. Tài sản dài hạn khác	260		233,858,625	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	233,858,625	0
CỘNG	270		334,799,420,677	357,628,305,917

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	1/1/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		66,894,077,835	141,523,302,167
I. Nợ ngắn hạn	310		66,613,628,835	141,149,372,167
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	0	0
2. Phải trả người bán	312		18,513,391,618	75,315,772,742
3. Người mua trả tiền trước	313		7,194,462,892	15,496,886,597
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V..16	2,362,192,144	2,418,506,957
5. Phải trả người lao động	315		23,754,758,817	21,862,137,363
6. Chi phí phải trả	316	V.17	545,446,400	1,102,329,800
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	4,190,330,608	16,550,443,295
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		10,053,046,356	8,403,295,413
II. Nợ dài hạn	330		280,449,000	373,930,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	280,449,000	373,930,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		267,905,342,842	216,105,003,750
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	267,905,342,842	216,105,003,750
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82,561,610,000	82,561,610,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54,797,592,850	54,797,592,850
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			1,466,948,024
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		56,510,684,637	28,989,455,885
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		9,050,259,782	5,892,458,324
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		64,723,067,573	42,396,938,667
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		262,128,000	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
CỘNG	440		334,799,420,677	357,628,305,917

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2012	1/1/2012
1. Tài sản thuê ngoài		0	0
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công		1,431,386,527	3,087,946,527
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		208,213,500	208,213,500
5. Ngoại tệ các loại		0	0
5A.USD		35.61	1,857.61
5B.CNY		304,274.61	25,276.63
5C.KIP			-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tỷ

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



TRẦN KIM LIÊN

Từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/09/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	98,802,401,917	75,011,899,633	413,521,402,810	348,744,882,463
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		9,836,097,243	12,280,419,700	34,126,162,513	23,582,291,250
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88,966,304,674	62,731,479,933	379,395,240,297	325,162,591,213
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	53,576,830,555	36,990,673,675	239,504,699,887	212,431,781,457
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35,389,474,119	25,740,806,258	139,890,540,410	112,730,809,756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	245,640,513	1,561,519,142	2,383,124,785	3,877,031,831
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	3,870,196	6,450,271	(49,988,209)	790,732,883
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,870,196	6,450,271	149,944,528	20,402,473
8. Chi phí bán hàng	24		9,777,096,547	8,708,512,596	48,707,500,002	39,599,937,708
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,634,589,497	4,828,688,853	29,115,889,000	23,029,972,271
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17,219,558,392	13,758,673,680	64,500,264,402	53,187,198,725
11. Thu nhập khác	31		257,124,937	235,468,448	896,733,875	327,375,757
12. Chi phí khác	32		-	-	19,000,000	13,896,942
13. Lợi nhuận khác	40		257,124,937	235,468,448	877,733,875	313,478,815
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17,476,683,329	13,994,142,128	65,377,998,277	53,500,677,540
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	54	VI.30	27,150,643	447,699,330	654,930,704	1,131,246,251
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-			-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17,449,532,686	13,546,442,798	64,723,067,573	52,369,431,289
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			2,114	1,665	7,839	6,438

TRẦN KIM L

TRẦN KIM LIÊN

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW

Địa chỉ: Số 1 Lương Định Của - Phương Mai - Đồng Đa - Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 30/09/2012

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		412,600,010,356	373,920,899,039
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(238,808,205,538)	(245,267,730,599)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(25,552,460,824)	(21,534,838,410)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(149,944,528)	(20,402,473)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(1,289,065,757)	(5,992,659,714)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		16,686,183,109	28,883,712,238
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7		(49,572,246,445)	(55,094,735,280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		113,914,270,373	74,894,244,801
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(16,183,409,480)	(2,820,459,800)
2. Tiền thu từ t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	100,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5,068,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,391,036,649	3,557,703,804
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19,860,372,831)	737,344,004
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		13,305,434,000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13,398,915,000)	(93,481,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			

6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16,477,198,000)	(32,731,488,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16,570,679,000)	(32,824,969,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		77,483,218,542	42,806,619,805
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18,853,651,162	17,037,708,863
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4,998,686)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		96,331,871,018	59,844,328,668

Ngày 12 tháng 10 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY





Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tý

TRẦN KIM LIÊN

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010 và thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011.

Ngày 23/09/2011, công ty hoàn tất việc đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó:

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng trọt; Kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; Gia công, chế biến, đóng gói, bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Kinh doanh bất động sản.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.561.610.000 VND được chia thành 8.256.161 cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập nắm giữ 3.715.723 cổ phần. Cụ thể như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) - Đại diện là Bà Trần Kim Liên	921.180
2	Ông Trần Đình Long	16.680
3	Ông Phạm Ngọc Lý	43.184
4	Ông Đỗ Tiến Sỹ	51.897
5	Ông Đỗ Bá Vọng	43.345
6	145 cổ đông còn lại	2.701.614

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Ngoài ra, Công ty còn có các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

- Các Chi nhánh:
 - + Chi nhánh Miền Trung
 - + Chi nhánh Thái Bình
 - + Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
 - + Chi nhánh Thanh Hóa
- Các Xí nghiệp:
 - + Xí nghiệp Đồng Văn
 - + Xí nghiệp Ba Vì
- Đơn vị trực thuộc khác:
 - + Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay
 - + Trại thực nghiệm Khoái Châu
 - + Nhà máy chế biến Thường Tín

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

- Công ty con : Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây
- Công ty liên kết : Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam

Đến ngày 30 tháng 09 năm 2012, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 297 người, trong đó số nhân viên quản lý là 33 người.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

3. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp, nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính, nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá tính vào thu nhập khác.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh khi xác định thu nhập chịu thuế.

Trường hợp chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ tính vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để doanh nghiệp không bị lỗ nhưng phải đảm bảo phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó.

Các khoản chênh lệch tỷ giá nêu trên không bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ; chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản để hình thành thành TSCĐ mà TSCĐ này chưa đưa vào sản xuất kinh doanh (không phân biệt doanh nghiệp chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh hay đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh).

4.3. Khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hoá được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải	6-10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5
Phần mềm máy tính	5

4.6. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác của Công ty được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập dựa trên giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư của Công ty có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán của khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm kế toán. Các khoản tăng, giảm số dư dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính và doanh thu tài chính trong năm tài chính.

4.8. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

4.9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

4.11. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101449271 thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 09 năm 2011, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy chứng nhận kinh doanh (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Các cổ đông	82.561.610.000	82.561.610.000	100%

4.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ chế biến nông sản, thuế suất thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ 3 trở đi đạt 70% tổng doanh thu. Năm 2012 là năm thứ 2 Công ty đáp ứng được điều kiện trên.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 25%.

Các loại thuế, phí, lệ phí khác: được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	4,726,011,172	3,417,927,684
Tiền gửi ngân hàng	7,605,859,846	15,435,723,478
Các khoản tương đương tiền	84,000,000,000	
Cộng	96,331,871,018	18,853,651,162

5.2. Các khoản phải thu khác

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Phải thu DTQG	44,043,131	1,143,100,284
Phải thu khác	1,585,834,344	396,281,963
Cộng	1,629,877,475	1,539,382,247

5.3. Hàng tồn kho

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	9,772,106,669	11,289,106,483
Công cụ, dụng cụ	11,964,200	5,414,200
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	364,194,980	572,989,401
Thành phẩm	70,377,729,885	89,755,110,170
Hàng hoá	666,493,861	43,679,194,187
Cộng	81,192,489,595	145,301,814,441
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(504,431,798)	(499,287,000)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	80,688,057,797	144,802,527,441

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Chi phí trả trước ngắn hạn		
+ Chi phí vật tư chờ phân bổ	92.053.803	1.612.276.603
Cộng	92.053.803	1.612.276.603

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

5.5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	34,193,333,829	21,501,210,548	8,864,218,303	679,462,100	65,238,224,780
2. Tăng trong năm	8,655,261,752	7,498,029,347	1,592,229,320	165,549,000	17,911,069,419
-Mua trong năm		7,498,029,347	1,592,229,320	165,549,000	9,255,807,667
-Đầu tư XD CB hoàn thành	8,615,938,500				8,615,938,500
-Tăng khác	39,323,252				39,323,252
3. Giảm trong năm		12,130,000	0	0	12,130,000
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác		12,130,000			12,130,000
4. Số cuối năm	42,848,595,581	28,987,109,895	10,456,447,623	845,011,100	83,137,164,199
II. Giá trị hao mòn					0
1. Số đầu năm	9,204,411,484	6,956,784,410	2,902,360,619	425,326,751	19,488,883,264
2. Tăng trong năm	2,503,503,211	2,505,811,240	693,157,000	118,751,334	5,821,222,785
-Khấu hao trong năm	2,503,503,211	2,505,811,240	693,157,000	118,751,334	5,821,222,785
-Tăng khác					0
3. Giảm trong năm	0	0	0	0	0
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác					0
4. Số cuối kỳ	11,707,914,695	9,462,595,650	3,595,517,619	544,078,085	25,310,106,049
III. Giá trị còn lại					0
1. Tại ngày đầu năm	24,988,922,345	14,544,426,138	5,961,857,684	254,135,349	45,749,341,516
2. Tại ngày cuối năm	31,140,680,886	19,524,514,245	6,860,930,004	300,933,015	57,827,058,150

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

5.6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
A. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	2,395,787,000	2,600,000,000	71,000,000	0	5,066,787,000
2.Tăng trong năm		2,000,000,000			2,000,000,000
-Mua trong năm		2,000,000,000			2,000,000,000
-Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					0
-Tăng do hợp nhất kinh doanh					0
-Tăng khác					0
3.Giảm trong năm					0
-Thanh lý, nhượng bán				0	0
-Giảm khác				0	0
4. Số dư cuối kỳ	2,395,787,000	4,600,000,000	71,000,000	-	7,066,787,000
B. Giá trị hao mòn				0	0
1. Số đầu năm	20,000,000	1,196,050,000	59,324,444	0	1,275,374,444
2.Tăng trong năm	30,000,000	537,500,000	10,650,000	-	578,150,000
-Khấu hao trong năm	30,000,000	537,500,000	10,650,000		578,150,000
-Tăng khác				0	0
3. Giảm trong năm	0	0	0	0	0
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác					0
4. Số dư cuối kỳ	50,000,000	1,733,550,000	69,974,444	-	1,853,524,444
C. Giá trị còn lại				0	0
1.Tại ngày đầu năm	2,375,787,000	1,403,950,000	11,675,556	0	3,791,412,556
2.Tại ngày cuối kỳ	2,345,787,000	2,866,450,000	1,025,556	0	5,213,262,556

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Tổng số chi phí XD CB dở dang:		
Trong đó, các công trình lớn:		
<i>Dự án xây dựng nhà cao tầng</i>	<i>2,113,446,664</i>	<i>1,094,051,964</i>
<i>Dự án xây dựng ở Đồng Văn</i>	<i>2,390,663,927</i>	<i>2,390,663,927</i>
<i>Dự án xây dựng nhà kho Thái Bình</i>		<i>182,383,000</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>620,592,000</i>	<i>358,464,000</i>
Cộng	5,124,702,591	4,025,562,891

5.8. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/09/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	96.520	1.817.638.000	96.520	1.817.638.000
Cộng	96.520	1.817.638.000	96.520	1.817.638.000

5.9. Đầu tư vào công ty con

	30/09/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
<i>Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây</i>	<i>30.608</i>	<i>30.608.000.000</i>	<i>30.608</i>	<i>30.608.000.000</i>
Cộng	30.608	30.608.000.000	30.608	30.608.000.000

5.10. Đầu tư dài hạn khác

	30/09/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị
Công ty Cổ phần Càng rau quả	133,333	3,944,000,000	133,333	3,944,000,000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư		(2,037,338,100)		(2,237,337,600)
Giá trị thuần của khoản đầu tư	133,333	1,906,661,900	133,333	1,706,662,400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	22,184,698	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	637,893,931	1,272,028,984
Thuế thu nhập cá nhân	675,167,925	883,519,415
Tiền thuê đất, thuê đất	1,021,373,757	262,958,558
Thế khác	5,571,833	
Cộng	2,362,192,144	2,418,506,957

5.12. Chi phí phải trả

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Chi phí phải trả	545.446.400	1.102.329.800
Cộng	545.446.400	1.102.329.800

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Phải trả tiền cổ tức 2011	252,060,000	12,384,241,500
Cổ phiếu thưởng ESOP	1,238,400,000	
Phải trả tiền giống gốc	1,270,720,275	1,270,720,275
Phải trả tiền thu mua SP khoán 01	24,038,453	1,259,573,994
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,405,111,880	1,635,907,526
Cộng	4,190,330,608	16,550,443,295

5.14. Vay dài hạn

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Vay dài hạn	280,449,000	373.930.000
Vay ngân hàng Phát triển Việt Nam	280,449,000	373.930.000
Cộng	280,449,000	373.930.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đây là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I bao gồm 01(một) hợp đồng có hạn mức tín dụng là 3.100.000.000 VND, giải ngân thực tế 1.538.000.000 VND, với lãi suất 5,4%/năm và có thời hạn 8 năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

5.15. Công cụ Tài chính

a.Công cụ quản lý rủi ro vốn

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Tài sản tài chính		
Tiền	96,331,871,018	18,853,651,162
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43,742,312,286	96,313,720,031
Đầu tư ngắn hạn	5,068,000,000	
Đầu tư dài hạn khác	1,906,661,900	1,706,662,400
Tổng cộng	147,048,845,204	116,874,033,593
Trong đó		
Dưới 1 năm		
Tiền	96,331,871,018	18,853,651,162
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43,742,312,286	96,313,720,031
Đầu tư ngắn hạn	5,068,000,000	
Đầu tư dài hạn khác		
Tổng cộng	145,142,183,304	115,167,371,193
Từ 1 đến 5 năm		
Tiền		
Phải thu khách hàng và phải thu khác		
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư dài hạn khác	1,906,661,900	1,706,662,400
Tổng cộng	1,906,661,900	1,706,662,400

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo cho hoạt động của công ty được liên tục đồng thời tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

b. Công cụ quản lý rủi ro tín dụng

	30/09/2012	01/01/2012
	(VND)	(VND)
Tài sản tài chính		
Các khoản vay	280,449,000	373,930,000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	22,703,722,226	91,866,216,037
Chi phí phải trả	545,446,400	1,102,329,800
Tổng cộng	23,529,617,626	93,342,475,837
Trong đó		
Dưới 1 năm		
Các khoản vay	186,962,000	186,968,000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	22,703,722,226	91,866,216,037
Chi phí phải trả	545,446,400	1,102,329,800
Tổng cộng	23,436,130,626	- 93,155,513,837
Từ 1 đến 5 năm		
Các khoản vay	93,487,000	186,962,000
Phải trả khách hàng và phải trả khác		
Chi phí phải trả		
Tổng cộng	93,487,000	186,962,000

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình để có phương pháp, chính sách quản trị tín dụng phù hợp nhất nhằm hạn chế rủi ro tối đa đồng thời đảm bảo đủ vốn để đáp ứng hoạt động của công ty cũng như đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG
Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

5.17. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	5	3	4		6	7
Số dư ngày tại 01/01/2011	81,341,610,000	54,797,592,850	4,639,228,115	17,636,370,157	3,837,898,950		43,213,372,125	205,466,072,197
- Tăng trong năm trước	1,220,000,000		1,466,948,024	11,359,585,728	2,054,559,374			16,101,093,126
- Lãi trong năm trước							63,156,029,167	63,156,029,167
- Tăng khác			-					0
- Giảm vốn trong năm trước								0
- Lỗi trong năm trước								0
- Giảm khác			(4,639,228,115)	(6,500,000)			(63,972,462,625)	(68,618,190,740)
Số dư tại ngày 31/12/2011	82,561,610,000	54,797,592,850	1,466,948,024	28,989,455,885	5,892,458,324	0	42,396,938,667	216,105,003,750
- Tăng trong năm nay			172,083,222	27,521,228,752	3,157,801,458	262,128,000	64,723,067,573	95,836,309,005
- Lãi trong năm nay								0
- Tăng khác								0
- Giảm vốn trong năm nay								0
- Lỗi trong năm nay								0
- Giảm khác			(1,639,031,246)				(42,396,938,667)	(44,035,969,913)
Số dư tại ngày 31/03/2012	82,561,610,000	54,797,592,850	0	56,510,684,637	9,050,259,782	262,128,000	64,723,067,573	267,905,342,842

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 19/03/2012 Công ty đã thực hiện trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2011 bổ sung các quỹ Đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi, cổ tức còn phải trả và chương trình phúc lợi thưởng cổ phiếu cho CBCNV.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	9.211.800.000	9.211.800.000
Vốn góp của đối tượng khác	73.349.810.000	73.349.810.000
Cộng	82.561.610.000	82.561.610.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2012 (VND)	2011 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.561.610.000	82.561.610.000
Vốn góp đầu năm		81.341.610.000
Vốn góp tăng trong năm		1.220.000.000
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm	82.561.610.000	82.561.610.000

Cổ tức

	2012	2011
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	30%	30%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	30%	30%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Cổ phiếu

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.256.161	8.256.161
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.256.161	8.256.161
Cổ phiếu phổ thông	8.256.161	8.256.161
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.256.161	8.256.161
Cổ phiếu phổ thông	8.256.161	8.256.161
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	56,510,684,637	28.989.455.885
Quỹ dự phòng tài chính	9,050,259,782	5.892.458.324
Cộng	65,560,944,419	34.881.914.209

*Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	413,521,402,810	348,744,882,463
Doanh thu bán hàng	413,511,324,892	348,666,882,463
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10,077,918	78,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	34,126,162,513	23,582,291,250
Giảm giá hàng bán	468,580,130	181,243,100
Hàng bán bị trả lại	33,657,582,383	23,401,048,150

6.3. Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	379,395,240,297	325,162,591,213
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	379,385,162,379	325,084,591,213
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	10,077,918	78,000,000

6.4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	240,566,019,301	212,431,781,457
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		-
Cộng	<u>240,566,019,301</u>	<u>212,431,781,457</u>

6.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	234,305,317,752	258,988,887,319
Chi phí nhân công	32,900,467,436	30,155,955,521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,399,372,785	4,189,517,102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19,649,556,946	14,820,955,931
Chi phí khác	<u>4,885,506,253</u>	<u>1,421,396,116</u>
Cộng	<u>298,140,221,172</u>	<u>309,576,711,989</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

6.6. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	701,874,438	3,118,863,146
Cổ tức, lợi nhuận được chia	686,918,000	459,706,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	994,332,347	298,462,685
Cộng	2,383,124,785	3,877,031,831

6.7. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)
Lãi tiền vay	149,944,528	20,402,473
Lỗ chênh lệch tỷ giá	66,763	130,332,010
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(199,999,500)	
Chi phí hoạt động tài chính khác		639,998,400
Cộng	(49,988,209)	790,732,883

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	654.930.704	1.131.246.251
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay		
Cộng	654.930.704	1.131.246.251

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

7. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây		
Doanh thu	709,665,438	1,911,300,000
Mua nguyên vật liệu	231,600,000	3,313,138,000
Nhận cổ tức	275,472,000	
Công ty CP Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam		
Doanh thu	-	
Mua nguyên vật liệu	210.000.000	800,000,000
Nhận cổ tức	144.780.000	193,060,000
Cho vay ngắn hạn	5.068.000.000	

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 09 năm 2012 như sau :

	30/09/2012 (VND)	30/09/2011 (VND)
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây		
Phải trả	1.797.298.676	135.381.713
Phải thu		
Công ty CP Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam		
Phải trả		23,480,000
Phải thu	5.010.780.000	

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012